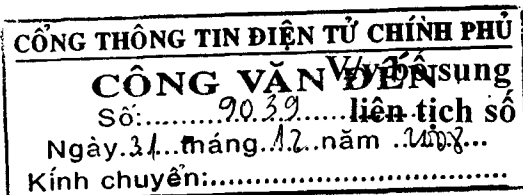


Số: 47 /2008/QĐ-UBND

Long Xuyên, ngày 19 tháng 12 năm 2008



QUYẾT ĐỊNH

Về bổ sung mức thu một phần viện phí theo Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 95-CP ngày 27 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ về việc thu một phần viện phí và Nghị định số 33/CP ngày 23 tháng 5 năm 1995 của Chính phủ sửa đổi khoản 1 Điều 6 Nghị định số 95-CP ngày 27 tháng 8 năm 1994 của Chính phủ về việc thu một phần viện phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH ngày 26 tháng 01 năm 2006 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội bổ sung Thông tư liên bộ số 14/TTLB ngày 30 tháng 9 năm 1995 của liên Bộ Y tế - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội - Ban Vật giá Chính phủ hướng dẫn thực hiện việc thu một phần viện phí;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế và Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phụ lục bổ sung mức thu một phần viện phí theo Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐTB&XH ngày 26 tháng 01 năm 2006 của liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành kèm theo Quyết định số 35/2006/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 34/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành liên quan và Thủ trưởng các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc hệ thống y tế nhà nước trong tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Bộ Y tế (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tài chính, Lao động TBXH, BHXH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Các bệnh viện cấp tỉnh và cấp huyện;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, P. TH, VHXH, TT Công báo tỉnh.



Vương Bình Thạnh



PHỤ LỤC

Đề nghị mức thu một phần viện phí theo Thông tư
liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐT&XH
kèm theo Quyết định số 47/2008/QĐ-UBND
ngày 12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Số TT	CÁC LOẠI DỊCH VỤ	Loại				Mức thu (đồng)
		Đặc biệt	I	II	III	
	PHẦN C: CÁC DỊCH VỤ KỸ THUẬT VÀ XÉT NGHIỆM					
C1	CÁC THỦ THUẬT, TIỂU THỦ THUẬT, NỘI SOI Y HỌC DÂN TỘC - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
1	Laser chiếu ngoài					10.000
2	Laser nội mạch					30.000
3	Laser thẩm mỹ					30.000
C2	CÁC PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT THEO CHUYÊN KHOA					
C2.3	MẮT					
1	Mở tiền phòng rửa máu, mù, lấy máu cục					400.000
2	Cắt dịch kính đơn thuần					600.000
3	Phẫu thuật lác thông thường 1 mắt					400.000
4	Phẫu thuật tạo mí (1 mắt)					500.000
5	Ghép màng ói thai điều trị dính mí cầu, loét giác mạc lâu liền, thủng giác mạc					750.000
6	Thử sắc giác					20.000
C2.5	RĂNG HÀM MẶT					
C2.5.4	Răng giả cố định					
1	Một đơn vị sứ kim loại					700.000
2	Một đơn vị sứ toàn phần					1.000.000
C2.5.5	Nắn chỉnh răng					
1	Hàm điều trị chỉnh hình loại gắn chặt từng phần cung răng			•		3.000.000
2	Hàm điều trị chỉnh hình loại gắn chặt toàn cung răng đơn giản					5.800.000
3	Hàm điều trị chỉnh hình loại gắn chặt toàn cung răng phức tạp (kéo răng ngầm...)					7.000.000
C2.5.7	Các phẫu thuật hàm mặt					
1	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng					1.200.000
C2.7	CÁC PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT CÒN LẠI KHÁC					
	PHẪU THUẬT					
I	MẮT					
1	Phẫu thuật lấy thủy tinh thể, đặt thủy tinh thể nhân tạo trong bao		A			1.000.000
2	Cắt móng mắt chu biên bằng Laser YAG			A		300.000
3	Phá bao thứ phát tái tạo đồng tử bằng Laser YAG		A			500.000

Số TT	CÁC LOẠI DỊCH VỤ	Loại				Mức thu (đồng)
		Đặc biệt	I	II	III	
4	Phẫu thuật cắt bè cùng mạc qua kính hiển vi		B			1.000.000
5	Cắt bè áp Mitomycin-C		B			1.000.000
6	Mổ vá da điều trị lật mí			B		800.000
7	Tạo hình đồng tử, đứt chân móng mắt		A			1.000.000
8	Phẫu thuật nếp nhãn mí trên, mí dưới, khóe mắt, thái dương			B		1.000.000
9	Lấy mỡ mí dưới một mắt				X	600.000
10	Phẫu thuật lác phức tạp, hội chứng AV		A			1.500.000
11	Ghép giác mạc xuyên thủng và ghép lớp		A			1.800.000
12	Lấy dị vật trong hố mắt, trong nhãn cầu: dịch kính, cùng mạc, sâu trong giác mạc phải rạch khâu		A			1.000.000
13	Tạo cùng đồ bằng da niêm mạc, tách dính mí cầu		B			800.000
14	Phẫu thuật Laser tạo mí (1 mắt)			X		1.000.000
15	Phẫu thuật tiếp khẩu túi lệ mũi Dupuy - Dutemps		A			1.800.000
II	TAI MŨI HỌNG					
1	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai				X	500.000
2	Cắt polype hòm nhĩ qua nội soi				X	800.000
3	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não		X			1.800.000
4	Phẫu thuật điều trị rò dịch não tủy ở tai		X			1.800.000
5	Phẫu thuật tạo hình tai giữa, tai ngoài do dị tật bẩm sinh		X			1.800.000
6	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh giáp móng		X			1.500.000
7	Phẫu thuật cắt Amidan bằng Laser			X		1.000.000
8	Phẫu thuật cắt u lành thanh quản bằng Laser			X		1.000.000
9	Phẫu thuật cắt u hốc mũi - vòm họng - hạ họng		X			1.800.000
10	Phẫu thuật vách ngăn mũi qua nội soi			X		1.000.000
11	Phẫu thuật nội soi: cắt cuốn mũi giữa; mũi dưới; Conchabulosa 1 bên		X			1.000.000
12	Sửa khối sụn mũi quá rộng, khoằm, mô vẹt		X			1.800.000
13	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt		X			1.800.000
14	Phẫu thuật lấy dị vật trong xoang - ổ mắt		X	.		1.800.000
15	Phẫu thuật nội soi tạo hình lệ đạo		X			1.800.000
16	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản trong cắt thanh quản toàn phần			X		1.000.000
III	RĂNG - HÀM - MẶT					
1	Laser nha khoa, Laser phẫu thuật hàm mặt < 0,5 cm				X	200.000
2	Laser nha khoa, Laser phẫu thuật hàm mặt < 1 cm				X	300.000
3	Laser nha khoa, Laser phẫu thuật hàm mặt > 1 cm				X	600.000
4	Nắn sai khớp thái dương hàm 2 bên đến muộn			A		200.000
5	Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt theo phương pháp thẩm mỹ < 3 cm				X	200.000
6	Khâu vết thương phần mềm vùng hàm mặt theo phương pháp thẩm mỹ > 3 cm				X	400.000
7	Phẫu thuật tái tạo nướu 1 răng				X	150.000



CÁC LOẠI DỊCH VỤ

	Đặc biệt	Loại			Mức thu (đồng)
		I	II	III	
I					
1	Cắt lông siêu bằng Laser CO ₂			X	100.000
2	Day kẹp hột		A		100.000
3	Chụp hình đáy mắt			X	150.000
4	Đo thị trường tự động máy HRT			X	200.000
5	Soi kính Volk			X	50.000
6	Soi sinh hiển vi			X	50.000
II	TAI MŨI HỌNG				
1	Lấy dị vật mũi qua nội soi		X		100.000
2	Phẫu thuật nội soi tách dính cuốn mũi vách ngăn		X		300.000
3	Phẫu thuật nội soi nạo VA			X	200.000
4	Soi phế quản chẩn đoán và lấy dị vật	X			1.000.000
5	Sơ cứu bóng ký đầu đường hô hấp		X		200.000
6	Trích rạch màng nhĩ qua nội soi			X	200.000
III	RĂNG HÀM MẶT				
1	Lấy cao răng và đánh bóng 1 hàm bằng máy siêu âm			X	100.000
2	Lấy cao răng và đánh bóng 2 hàm bằng máy siêu âm			X	200.000
3	Mài chỉnh khớp cắn một vùng			X	50.000
4	Tẩy trắng răng nội nha 01 răng			X	200.000
5	Tẩy trắng răng 2 hàm	X			1.300.000
IV	SẢN KHOA				
1	Phá thai nội khoa		X		250.000
V	XÉT NGHIỆM VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC - MIỄN DỊCH				
	XÉT NGHIỆM HÓA SINH				
1	TCK/APTT				30.000
2	Axit Uric		.		30.000
C3	XÉT NGHIỆM VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
C3.1	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC - MIỄN DỊCH				
1	Thời gian thrombin (TT)				30.000
C4	CHẨN ĐOÁN BẰNG HÌNH ẢNH				
C4.1	SIÊU ÂM				
1	Siêu âm màu 3-4 chiều (3D - 4D)				100.000
C4.2	CHIẾU, CHỤP X-QUANG				
C4.2.2	Chụp X-quang răng hàm mặt				
1	Chụp sọ mặt chỉnh nha kỹ thuật số				80.000
2	Chụp răng kỹ thuật số				20.000